

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2085/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thủy Tiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nở
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 14 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 309/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 09 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5893/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Khả Ngọc D, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Phường Q, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Do Duc A, sinh năm 1981 (vắng mặt).

Địa chỉ: Charlesbourg – Québec - Québec – Canada – G1G1K3.

Các đương sự đã có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện này 08/9/2020 và những lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Vũ Ngọc Khả D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Do Duc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 128 ngày 22/11/2017. Sau khi kết hôn, ông Do Duc A trở về Canada và làm thủ tục bảo lãnh bà qua Canada theo diện đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, trong thời gian này, do cuộc sống vợ chồng xa cách, hai

bên chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải. Bà xác nhận hiện nay tình cảnh vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và để ổn định cuộc sống, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Do Duc A.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

Vì bận việc, bà yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại bản khai ngày 09/10/2020 (được hợp pháp hóa lãnh sự ngày 03/11/2020 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Canada), bị đơn là ông Do Duc A xác nhận lời trình bày của bà D về thời điểm kết hôn, về mâu thuẫn chung của vợ chồng, về con chung, tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung là đúng. Nay bà D xin ly hôn, ông đồng ý được ly hôn với bà Kim D. Do bận việc, ông yêu cầu được vắng mặt cho đến khi kết thúc vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy bà Vũ Khả Ngọc D và ông Do Duc A kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là hôn nhân hợp pháp, khi một trong các bên có yêu cầu ly hôn, Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Bị đơn hiện cư trú tại Canada nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự trong vụ án:

Nguyên đơn và bị đơn có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Xét yêu cầu của bà Vũ Khả Ngọc D được ly hôn ông Do Duc A, Hội đồng xét xử xét thấy: Qua lời trình bày của bà D và ông Do Duc A, thì thực tế sau khi kết hôn hai bên phát sinh mâu thuẫn không thể giải quyết được. Từ khi kết hôn cho đến nay, bà D và ông Do Duc A không có quá trình chung sống lâu dài,

do xa cách địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, hai bên chưa có sự gắn kết sâu đậm về tình cảm vợ chồng. Hiện nay bà D và ông Do Duc A đang sinh sống ở hai nước khác nhau nên khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà D yêu cầu được ly hôn với ông Do Duc A là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Vũ Khả Ngọc D chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 121 và Điều 127 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Vũ Khả Ngọc D.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Khả Ngọc D được ly hôn với ông Do Duc A.

Giấy chứng nhận kết hôn số 128 do Ủy ban nhân dân Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Vũ Khả Ngọc D và ông Do Duc A không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Không có.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Vũ Khả Ngọc D chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2019/0092591 ngày 18/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà D đã nộp đủ tiền án phí.

3. Bà Vũ Khả Ngọc D được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án. Ông Do Duc A được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- UBND Quận E, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Thủy Tiên